

TRƯỜNG: THPT CHUYÊN HOÀNG VĂN THỤ

Tờ số: 1

| Số TT | Số BD  | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh | Nơi sinh               | Điểm thi | Xếp giải | Môn thi   |
|-------|--------|--------------------|-------|-----------|------------------------|----------|----------|-----------|
| 1     | 2      | 3                  |       | 4         | 5                      | 6        | 7        | 8         |
| 1     | 01A080 | TRẦN PHƯƠNG        | THẢO  | 06/05/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 49.5     | Nhất     | Toán      |
| 2     | 01A013 | NGUYỄN VĂN         | CHUNG | 13/09/93  | Yên Thủy, Hòa Bình     | 49.0     | Nhất     | Toán      |
| 3     | 01A009 | TỔNG KIỀU          | ANH   | 25/08/93  | Bệnh Viện Sông Đà      | 47.5     | Nhì      | Toán      |
| 4     | 01A007 | NGUYỄN TRUNG       | ANH   | 28/12/94  | Bệnh Viện Tân Lạc, Hòa | 47.0     | Nhì      | Toán      |
| 5     | 01A002 | LÊ PHƯƠNG          | ANH   | 15/05/93  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 46.5     | Nhì      | Toán      |
| 6     | 01A075 | BÙI THANH          | THẢO  | 04/03/94  | Lạc Sơn, Hòa Bình      | 46.5     | Nhì      | Toán      |
| 7     | 01A003 | LÊ TUẤN            | ANH   | 23/10/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 45.5     | Nhì      | Toán      |
| 8     | 01A066 | LÊ THỊ NHƯ         | QUỲNH | 05/08/94  | Bệnh Viện Lạc Sơn, Hòa | 44.5     | Ba       | Toán      |
| 9     | 01A081 | ĐINH VIỆT          | THÁI  | 08/05/94  | Kim Bôi, Hòa Bình      | 44.0     | Ba       | Toán      |
| 10    | 01A027 | TẠ TẮT             | ĐẠT   | 01/10/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 38.5     | K.K      | Toán      |
| 11    | 02A008 | LÊ KIM             | HẬU   | 23/09/94  | Thanh Oai, Hà Tây      | 48.0     | Nhất     | Vật Lý    |
| 12    | 02A012 | ĐẶNG PHI           | HÙNG  | 15/05/93  | Bệnh Viện Sông Đà      | 46.0     | Nhì      | Vật Lý    |
| 13    | 02A004 | NGUYỄN THẾ TIẾN    | ĐẠT   | 19/12/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 44.0     | Nhì      | Vật Lý    |
| 14    | 02A045 | TẠ QUANG           | VIỆT  | 18/09/94  | Kỳ Sơn, Hòa Bình       | 43.0     | Nhì      | Vật Lý    |
| 15    | 02A030 | PHAN               | TÂN   | 31/03/94  | Bệnh Viện Thị Xã Hòa   | 41.0     | Ba       | Vật Lý    |
| 16    | 02A031 | NGUYỄN CHÍ         | THANH | 18/11/93  | Ứng Hòa Hà Tây         | 39.0     | Ba       | Vật Lý    |
| 17    | 02A014 | NGUYỄN TRUNG       | KIÊN  | 14/12/93  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 37.5     | Ba       | Vật Lý    |
| 18    | 02A002 | NGUYỄN TIẾN        | BÌNH  | 02/08/93  | Thị Xã Phú Thọ - Phú   | 33.0     | K.K      | Vật Lý    |
| 19    | 02A037 | NGUYỄN THỊ THANH   | TRANG | 29/11/93  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 31.5     | K.K      | Vật Lý    |
| 20    | 02A040 | TRẦN THANH         | TÙNG  | 31/12/92  | Bệnh Viện Thủy Điện    | 29.0     | K.K      | Vật Lý    |
| 21    | 03A046 | ĐỖ SƠN             | TÙNG  | 01/11/94  | Thị Xã Hòa Bình        | 48.5     | Nhất     | Hóa THPT  |
| 22    | 03A010 | PHẠM HOÀNG         | GIANG | 03/03/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 47.0     | Nhì      | Hóa THPT  |
| 23    | 03A006 | NGUYỄN THÀNH       | DƯƠNG | 22/12/94  | Kỳ Sơn, Hòa Bình       | 45.5     | Nhì      | Hóa THPT  |
| 24    | 03A018 | NGUYỄN VIỆT        | HÙNG  | 02/12/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 45.5     | Nhì      | Hóa THPT  |
| 25    | 03A001 | ĐẶNG THỊ NGỌC      | ANH   | 15/08/93  | Yên Thủy, Hòa Bình     | 42.0     | Ba       | Hóa THPT  |
| 26    | 03A044 | DƯƠNG THỊ ÁNH      | TUYẾT | 27/10/93  | Kim Bôi, Hòa Bình      | 41.0     | Ba       | Hóa THPT  |
| 27    | 03A007 | NGUYỄN TÀI         | ĐẠT   | 07/11/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 37.5     | K.K      | Hóa THPT  |
| 28    | 03A017 | NGUYỄN VĂN         | HÙNG  | 16/10/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 35.0     | K.K      | Hóa THPT  |
| 29    | 03A037 | TẠ TIẾN            | THÀNH | 01/10/94  | Bệnh Viện Tỉnh Hòa     | 35.0     | K.K      | Hóa THPT  |
| 30    | 04A009 | NGUYỄN             | ĐÔNG  | 22/10/94  | Bệnh Viện Hòa Bình     | 45.0     | Nhất     | Sinh THPT |
| 31    | 04A013 | LÊ NGỌC            | HẠNH  | 31/07/94  | Bệnh Viện Sông Đà Hòa  | 43.5     | Nhì      | Sinh THPT |
| 32    | 04A006 | TRẦN THỊ PHƯƠNG    | DUNG  | 31/05/93  | Bệnh Viện Hòa Bình     | 43.0     | Nhì      | Sinh THPT |
| 33    | 04A036 | NGUYỄN TIẾN        | VŨ    | 18/09/94  | Cao Phong, Hòa Bình    | 41.5     | Ba       | Sinh THPT |

| Số TT | Số BD  | Họ và tên thí sinh      | Ngày sinh | Nơi sinh               | Điểm thi | Xếp giải | Môn thi   |
|-------|--------|-------------------------|-----------|------------------------|----------|----------|-----------|
| 1     | 2      | 3                       | 4         | 5                      | 6        | 7        | 8         |
| 34    | 04A004 | HOÀNG THỊ BÌNH          | 02/10/93  | Chương Mỹ - Hà Tây     | 41.5     | Ba       | Sinh THPT |
| 35    | 04A032 | TRẦN THỊ MỸ TRANG       | 03/08/93  | Bệnh Viện Tân Lạc, Hòa | 39.0     | Ba       | Sinh THPT |
| 36    | 04A005 | NGUYỄN MINH CƯỜNG       | 06/10/94  | Yên Mô, Kỳ Sơn, Hòa    | 36.0     | Ba       | Sinh THPT |
| 37    | 04A016 | NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN | 25/11/94  | Bệnh Viện Hòa Bình     | 32.5     | K.K      | Sinh THPT |
| 38    | 04A029 | HÀ THU THÚY             | 21/11/94  | Bệnh Viện Sông Đà Hòa  | 31.0     | K.K      | Sinh THPT |
| 39    | 04A030 | TRẦN THỊ THU THƯƠNG     | 19/02/94  | Thị Xã Hòa Bình        | 28.0     | K.K      | Sinh THPT |

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Đặng Quang Ngân**